

Bản án số: 04 /2021/KDTM-PT  
Ngày: 17/5/2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Ông Trần Trí Dũng

*Các Thẩm phán :* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Bà Phan Thị Tuyết Mai

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*** Ông Lương Sơn Bá - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLPT ngày 04 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp: *Hợp đồng tín dụng*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2019/KDTM-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự :

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Vỹ L

Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà số B, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

*(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 10 năm 2019)*

*2. Bị đơn:* Công ty TNHH H

Địa chỉ: đường B , phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn T

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Dương Hồ Q

Bà Lê Thị T (chết ngày 29/10/2019)

Cùng địa chỉ: đường X, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Nguyễn Chí D*

Địa chỉ: khu vực N, phường A, quận N, TP. Cần Thơ

*(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2020)*

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T gồm:*

Ông Dương Hồ Q, Dương Quyền V, Bà Dương Thị Huyền T

Cùng địa chỉ: đường X, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà T: Ông Lê Văn H*

Địa chỉ: N, phường A, quận N, TP. Cần Thơ.

*(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2021)*

Bà Lê Thị T.

4. *Người kháng cáo:* Ông Dương Hồ Q

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:***

**Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:**

Ngân hàng TMCP Q – chi nhánh C (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) có ký kết hợp đồng tín dụng số 114.11.451.600483.TD ngày 09/11/2011; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi vốn lưu động số 115.11.451.600483.TDTC ngày 09/11/2011 cùng các khế ước nhận nợ. Tổng số tiền giải ngân là 10.179.443.315 đồng. Để đảm bảo số nợ vay Công ty H có thể chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa 277, tờ bản đồ số 06, tại địa chỉ X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 588335, sổ vào sổ cấp GCN: H00048.QSDĐ do UBND quận N cấp ngày 31/01/2005.

Hợp đồng thế chấp số 03109.CT.TCND.600483.01 ngày 17/3/2009, được công chứng ngày 17/3/2009.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H không trả nợ như cam kết, nên đến ngày 19/4/2012 nợ vay quá hạn.

Tính đến ngày 01/10/2019 Công ty H đã trả cho Ngân hàng số tiền 8.785.725.502 đồng (gốc: 8.759.000.000 đồng, lãi 26.725.502 đồng).

Tạm tính đến ngày 01/10/2019 khoản dư nợ là 19.030.770.961 đồng (gốc : 1.420.443.315 đồng, lãi 17.610.327.646 đồng)

Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu Công ty H trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý theo đúng quy định nhưng Công ty H và bên thế chấp không thực hiện theo yêu cầu.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty H trả nợ Tạm tính đến ngày 01/10/2019 khoản dư nợ là 19.030.770.961 đồng (gốc : 1.420.443.315 đồng, lãi 17.610.327.646 đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/10/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty H không trả nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa 177, tờ bản đồ số 06, tại địa chỉ X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 588335, sổ vào sổ cấp GCN: H00048.QSĐĐ do UBND quận N cấp ngày 31/01/2005 để trừ nợ.

Nếu tài sản phát mãi không đủ thì Công ty H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hồ Q trình bày:**

Ông không có ý kiến về khoản nợ gốc, lãi mà Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại số 178/49, X, phường A (nay là phường T), quận N, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ vì các lý do sau:

Ông không nhớ là ông và vợ ông bà Lê Thị T có ký hợp đồng thế chấp số 03109.CT.TCND.600483.01 ngày 17/3/2009 hay không; trang 1 và trang 3 không có chữ ký của ông và vợ ông mà chỉ có chữ ký đại diện Ngân hàng; Ngân hàng phải cung cấp các giấy tờ chứng minh ông và vợ ông có làm đơn yêu cầu Ngân hàng cho Công ty H vay tiền; cung cấp giấy tờ chứng minh khoản tiền đầu tiên Ngân hàng cho Công ty H vay là bao nhiêu, thời gian bao lâu.

**Bà Lê Thị T trình bày:**

Bà không đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại số X, phường A (nay là phường T), quận N, thành phố Cần Thơ, vì Ngân hàng không chứng minh được gia đình bà mượn tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 25/11/2020 là 19.452.550.437 đồng (Nợ gốc: 1.420.443.315 đồng, nợ lãi: 18.032.107.122 đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 26/11/2020 cho đến khi trả dứt nợ. Nếu không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản do ông Q bà T thế chấp bảo lãnh để trừ nợ (trong phạm vi bảo lãnh là 530.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 25/11/2020 là 1.248.945.000 đồng).

Ý kiến ông Dương Hồ Q: Ông thừa nhận hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17/3/2009 là do ông ký bảo lãnh cho Công ty H (do ông Lê Văn T làm giám đốc) vay tiền để kinh doanh, nhưng Ngân hàng không thông báo cho ông biết về số nợ của Công ty H nên không chấp nhận trả số nợ trên. Ông cũng không đồng ý đối với số nợ được bảo lãnh 530.000.000 đồng, mà chỉ thanh toán số nợ 300.000.000 đồng (vì chỉ bảo lãnh cho Công ty H –do ông T làm giám đốc vay 300.000.000 đồng).

Ý kiến bà T: Công ty H đã thanh toán cho Ngân hàng trên 8 tỷ nhưng vì sao không trừ vào số nợ ông Q bảo lãnh nên không chấp nhận số nợ trên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2020/KDTM-ST ngày 25/11/2020 và Quyết định sửa chữa bản án sơ thẩm số 144/2020/QĐ-SCBS ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 25/11/2020 là 19.452.550.437 đồng (Nợ gốc: 1.420.443.315 đồng, lãi: 18.032.107.122 đồng).

Ngoài ra bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày 26/11/2020 cho đến khi tất nợ (và lãi phát sinh đối với số tiền ông Q, bà T bảo lãnh tính từ ngày 26/11/2020 cho đến khi tất nợ).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty H không trả nợ cho Ngân hàng thì phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tọa lạc tại số 178/49, X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ - theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 588335, sổ vào sổ cấp GCN: H00048.QSĐĐ do UBND quận N ký ngày 31/01/2005 cấp cho ông Dương Hồ Q, bà Lê Thị T để trừ nợ (trong phạm vi số tiền mà ông Q, bà T bảo lãnh tạm tính đến ngày 25/11/2020 là 1.778.945.000 đồng, gồm nợ gốc là 530.000.000 đồng, lãi 1.248.945.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký trên số tiền 530.000.000 đồng kể từ ngày 26/11/2020 cho đến khi người liên quan thực hiện nghĩa vụ bảo đảm với Ngân hàng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/12/2020 ông Dương Hồ Q kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo;

Các đương sự còn lại giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng và Công ty H có ký kết hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện thu hồi nợ vốn và lãi là có căn cứ. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Dương Hồ Q không đồng ý số nợ gốc 530.000.000 đồng và nợ lãi 1.248.945.000 đồng mà ông và bà T bảo lãnh là không có cơ sở bởi lẽ; hợp đồng thế chấp số 03109.CT.TCND.600438.01 ngày 17/3/2009 đã được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên có hiệu lực. Tại biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp cũng thể hiện ông Q, bà T dùng tài sản trên để đảm bảo khoản vay tối đa là 530.000.000 đồng của Công ty H. Ông Q kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng của ông Q, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quyền V và bà Dương Thị Huyền T đã được Tòa cấp sơ thẩm tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng được tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện bị đơn Công ty TNHH H yêu cầu thanh toán nợ vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hồ Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng và Công ty TNHH H có ký kết hợp đồng tín dụng số 114.11.451.600483.TD ngày 09/11/2011, hạn mức được cấp là 02 tỷ đồng; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi vốn lưu động số 115.11.451.600483.TDTC ngày 09/11/2011, hạn mức được cấp là 08 tỷ đồng. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân tổng số tiền là 10.179.443.315 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 01/10/2019, (tức 08 năm sau) Công ty H mới thanh toán được nợ gốc và lãi: 8.785.725.502 đồng, trong đó nợ gốc: 8.759.000.000 đồng; nợ lãi: 26.725.502 đồng.

Tính đến ngày 25/11/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) Công ty H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 19.452.550.437 đồng, trong đó nợ gốc: 1.420.443.315 đồng, nợ lãi 18.032.107.122 đồng.

Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi với thời gian dài từ thời gian vay tháng 11/2011 đến thời gian trả 10/2019 là 08 năm nhưng chỉ trả được một phần vốn gốc còn nợ vốn gốc 1.420.443.315 đến nay vẫn chưa thanh toán, còn nợ lãi chỉ thanh toán được 26.725.502 đồng, vẫn còn nợ một số lãi 18.032.107.122 đồng cho đến nay. Do đó Ngân hàng vẫn phải tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là đúng với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng là có căn cứ.

Sau khi xét xử bản án được tổng đạt, niêm yết công khai theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn cũng không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm không thể xem xét đến số tiền nợ gốc và lãi mà cấp sơ thẩm đã xét xử buộc bị đơn phải thanh toán.

[3] Ông Dương Hồ Q kháng cáo không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm cho số nợ vay 530.000.000 đồng và lãi phát sinh 1.248.954.000 đồng và đề nghị hủy án sơ thẩm. Với yêu cầu kháng cáo của ông Q là không có cơ sở chấp nhận với các căn cứ sau:

Căn cứ hợp đồng thế chấp số 03109.CT.TCND.600483.01 ngày 17/3/2009, ông Dương Hồ Q và Lê Thị T thế chấp nhà đất tại X, phường A, quận N, thành phố

Cần Thơ, diện tích đất ở 91,4m<sup>2</sup>, thửa 277, tờ bản đồ số 06; Nhà ở: diện tích xây dựng: 68,69m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng: 108,82m<sup>2</sup>, nhà cấu trúc cấp 3, cấp 2, số tầng 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 588335, sổ vào sổ cấp GCN: H00048.QSDĐ do UBND quận N cấp ngày 31/01/2005.

Hợp đồng được công chứng ngày 17/3/2009, và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận N ngày 18/3/2009. Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 10 Nghị định 163 /2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm quy định: “ *Việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng tàu bay, tàu biển có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp*”

Với quy định trên thì hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Q bà T với Ngân hàng để bảo đảm cho bên vay vốn là Công ty H đã có hiệu lực kể từ ngày đăng ký (18/3/2009). Theo nội dung của hợp đồng thế chấp thì nhà đất nói trên của ông Q bà T thế chấp để bảo đảm cho Công ty H vay 530.000.000 đồng, cùng lãi trong hạn lãi quá hạn.

Bản án sơ thẩm tuyên nếu Công ty H không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp của ông Q bà T trong phạm vi số tiền gốc và lãi là 1.778.945.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nguyên đơn đã nộp là 63.515.500 đồng theo biên lai thu số 002037 ngày 22/11/2019. Tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên nguyên đơn được nhận lại số tiền 56.331.000 đồng theo biên lai thu số 004665 ngày 13/4/2016 là không đúng, nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp mà không cần tuyên sửa án sơ thẩm.

Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Hồ Q.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 25/11/2020 là 19.452.550.437 đồng (Nợ gốc: 1.420.443.315 đồng, lãi: 18.032.107.122 đồng).

Bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày 26/11/2020 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nếu Công ty H không trả số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tọa lạc tại số X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ - theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 588335, sổ vào sổ cấp GCN: H00048.QSDĐ do UBND quận N ký ngày 31/01/2005 cấp cho ông Dương Hồ Q, bà

Lê Thị T để thanh toán số nợ mà Công ty TNHH H còn thiếu trong phạm vi số tiền mà ông Q, bà T thế chấp tài sản bảo lãnh cho đến khi Công ty TNHH H thanh toán xong số tiền nợ thời gian gốc, lãi tạm tính đến ngày 25/11/2020 là 1.778.945.000 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 530.000.000 đồng, nợ lãi 1.248.945.000 đồng và Công ty TNHH H tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký trên số tiền gốc 530.000.000 đồng kể từ ngày 26/11/2020.

Chi phí đo đạc, thẩm định: Bị đơn phải chịu 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên bị đơn phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng này cho nguyên đơn

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH H phải chịu 127.452.550 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 63.515.500 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 002037 ngày 22/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Án phí phúc thẩm: Ông Dương Hồ Q phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng, theo biên lai số 003406 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều; ông Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi bổ sung một số Điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS. Q.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Trí Dũng**